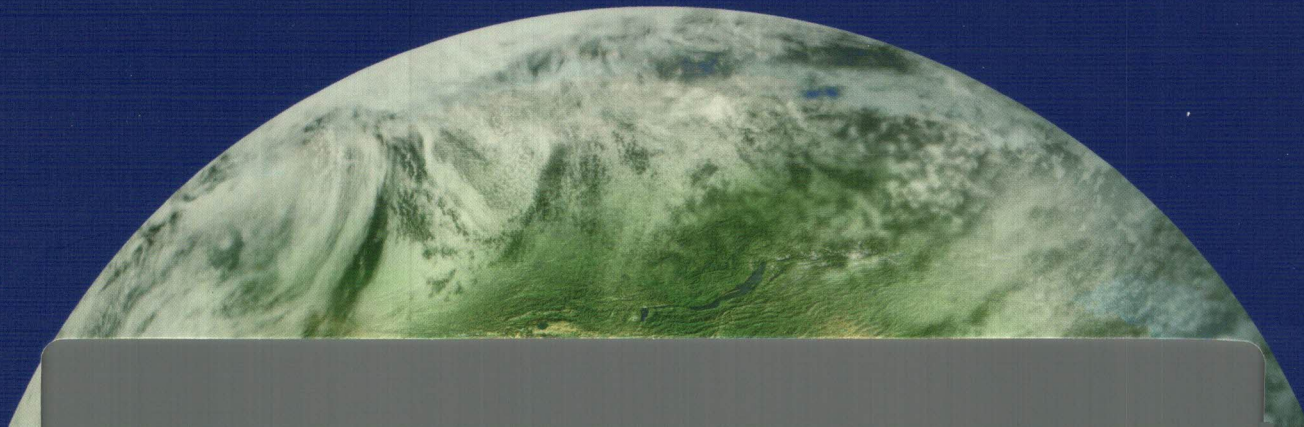


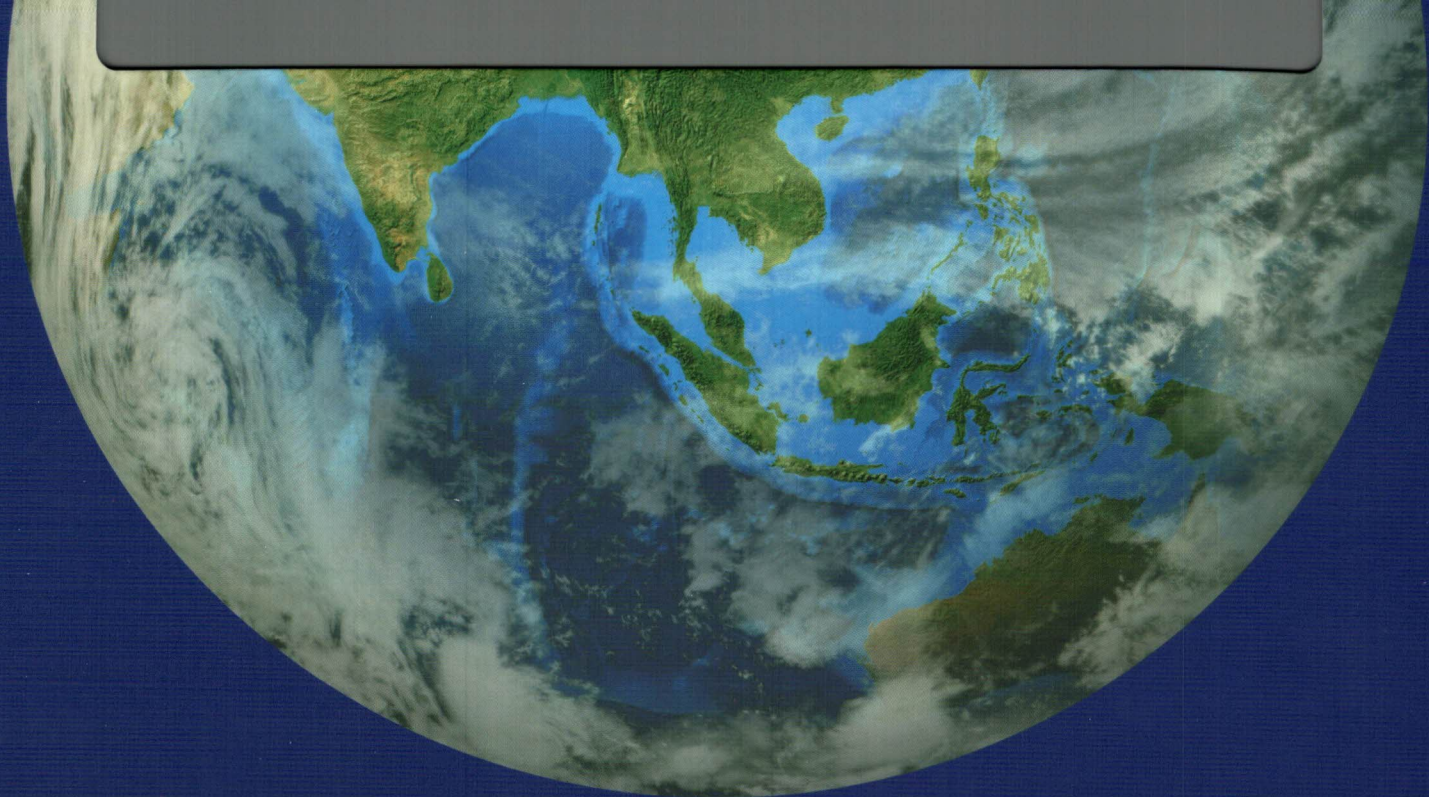
**EPA VIETNAM**

Qualified Services  
with Global  
Understanding and Vision





Local Expertise  
International Presence





**Head Office in Hanoi:** 8<sup>th</sup> floor, VG Building,  
No. 235 Nguyen Trai Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi, Vietnam

 +84 (24) 3 783 2121  
 +84 (24) 3 783 2122

 [info@cpvietnam.vn](mailto:info@cpvietnam.vn)  
 [www.cpvietnam.vn](http://www.cpvietnam.vn)

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>Trang</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 44



# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 đường Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam trình bày Báo cáo của Ban Điều hành cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.

### TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) tiền thân Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 1116/QĐ/TCCBHT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 109811 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 23/11/1995.

Tổng Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi sang hoạt động Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2511/QĐ-BCN ngày 14/09/2006 và Quyết định số 05/QĐ-BCN ngày 02/01/2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100103351 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/02/2007, đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp thay đổi các lần và lần thứ 07 ngày 29/03/2023.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 07 ngày 29/03/2023 là: 438.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi tám tỷ đồng*).

Trụ sở chính: Số 15 Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch: Tầng 11, tòa nhà MIPEC, 229 Tây Sơn, P. Khương Thượng, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với Mã chứng khoán VEC.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Lê Thanh Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Đông	Phó Chủ tịch
Bà Đỗ Thị Thúy Hương	Thành viên
Ông Vũ Hải Vĩnh	Thành viên
Ông Phạm Nguyên Anh	Thành viên

#### Ban Kiểm soát

Bà Vũ Hoài Anh	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên
Ông Phạm Trung Hoàng	Thành viên

#### Ban Điều hành

Ông Vũ Hải Vĩnh	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Nguyên Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Giáp Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 30/12/2024)
Ông Văn Việt Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 30/12/2024)
Ông Nguyễn Trung Dũng	Kế toán trưởng

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 đường Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Ban Điều hành,



Vũ Hải Vinh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Số: 216/2025/BCKTHN-CPA VIETNAM-NV2

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành**  
**Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam, được lập ngày 28/03/2025, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Tại ngày 31/12/2024, Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công trình “Thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị, vận chuyển đến công trường, lắp đặt, kiểm tra thử nghiệm, bàn giao và bảo hành hệ thống thải tro xỉ Dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2” số tiền 2.691.835.668 VND. Với những tài liệu Tổng Công ty cung cấp, chúng tôi chưa thể ước tính được số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập (nếu có). Theo đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Tại ngày 31/12/2024, Tổng Công ty và các Công ty con của Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị cần trích lập dự phòng của các khoản phải thu quá hạn thanh toán, phải thu khó đòi với tổng số tiền khoảng 63,6 tỷ VND (tại Tổng Công ty là 43,6 tỷ VND, Công ty Cổ phần Công trình Viettronics là 2,2 tỷ VND, tại Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp là 4,5 tỷ VND, Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức là 13,3 tỷ VND). Các thủ tục kiểm toán thay thế cũng không cho phép chúng tôi ước tính được số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập, cũng như xác định ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản đầu tư vào Công ty liên kết “Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức 1” được trình bày theo giá gốc do chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Báo cáo tài chính Công ty liên kết “Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam” cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 chưa được kiểm toán.

Tại Công ty con là Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức” Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán với Ý kiến kiểm toán ngoại trừ các vấn đề sau:

- Tại ngày 31/12/2024, Công ty tồn kho một số mặt hàng lỗi thời và chậm luân chuyển với tổng giá trị là 18.638.821.840 VND. Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, Chúng tôi không thu thập được bằng chứng cần thiết liên quan đến việc đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về việc sẽ không có sự sụt giảm giá trị của các mặt hàng trên cũng như giá trị thuần có thể thực hiện được. Vì thế, Chúng tôi không đưa ra ý kiến về giá trị thuần có thể thực hiện được của các mặt hàng lỗi thời, chậm luân chuyển này cũng như ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty.
- Năm 2024 là năm đầu tiên Chúng tôi được bổ nhiệm làm kiểm toán cho Công ty, bằng các thủ tục kiểm toán, Chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến số dư đầu kỳ của các khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước” nên không đưa ra ý kiến về khoản mục này.
- Công ty chưa thực hiện trích khấu hao của những tài sản ngừng hoạt động đến ngày 31/12/2024 với tổng số tiền là 4.578.995.578 VND.

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán; kiểm toán viên này đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 30 tháng 3 năm 2024 có dạng ý kiến ngoại trừ về các vấn đề sau:

- Tổng Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với khoản nợ phải thu khách hàng “Công ty TNHH Đầu tư thương mại và Xuất nhập khẩu Khang Phúc” quá hạn với giá trị 22.376.666.534 đồng.



- Khoản đầu tư vào “Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức 1” được trình bày theo giá gốc do Tổng Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính.
- Tại Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp, Công ty chưa thực hiện đánh giá giá trị trích lập dự phòng của các khoản phải thu quá hạn thanh toán, phải thu khó đòi.
- Báo cáo tài chính Công ty liên kết “Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam” cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 chưa được kiểm toán.
- Báo cáo “Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức” đã được kiểm toán với Ý kiến kiểm toán ngoại trừ các vấn đề sau:
  - + Kiểm toán viên chưa thu thập được các biên bản đối chiếu công nợ liên quan đến công nợ Trả trước người bán ngắn hạn số tiền 7.145.249.631 đồng, các thủ tục kiểm toán thay thế chưa đem lại bằng chứng kiểm toán cần thiết để đánh giá về số dư các khoản công nợ chưa đối chiếu cũng như khả năng thu hồi đối với các khoản công nợ này.
  - + Khoản chi vượt quá Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty với giá trị 1.295.679.244 đồng đang được phản ánh trên chỉ tiêu Phải thu ngắn hạn khác. Vấn đề này đã được xử lý trong năm và không còn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính năm 2024.
  - + Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với các khoản phải thu khách hàng số tiền 13.630.819.820 đồng. Nếu Ban Tổng Giám đốc trích lập dự phòng phải thu khó đòi với khoản phải thu khách hàng này thì chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm nay tăng thêm là 8.967.098.623 đồng, đồng thời giá trị khoản Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi trên Bảng Cân đối kế toán tăng lên tương ứng và chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm đi tương ứng.
  - + Kiểm toán viên chưa thu thập được bằng chứng liên quan đến đánh giá của Ban Tổng Giám đốc trong việc tin tưởng rằng sẽ không có sự sụt giảm giá trị hàng tồn kho trong tương lai và không đưa ra ý kiến về giá trị thuần của một số mặt hàng chậm luân chuyển với tổng giá trị tồn là 20.538.043.210 đồng.
  - + Công ty trích thiếu khấu hao lũy kế một số tài sản cố định đến ngày 31/12/2023 số tiền 5.363.966.266 đồng.

Các vấn đề ngoại trừ còn lại nêu trên vẫn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm nay.



**Nguyễn Thị Mai Hoa**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2025

**Vũ Xuân Hùng**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 4015-2022-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>508.803.291.524</b>	<b>605.140.838.648</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>101.678.180.741</b>	<b>106.526.049.577</b>
1. Tiền	111		34.118.348.682	42.171.549.577
2. Các khoản tương đương tiền	112		67.559.832.059	64.354.500.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>126.507.301.286</b>	<b>124.034.896.250</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		287.396.250	287.396.250
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(85.094.964)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	126.305.000.000	123.747.500.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>187.800.932.934</b>	<b>278.289.826.506</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	139.118.816.565	241.820.770.955
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	37.879.934.634	24.667.258.498
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	12.100.000.000	7.900.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	39.202.311.107	41.973.245.983
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(40.649.843.823)	(38.221.163.381)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		149.714.451	149.714.451
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>86.450.771.143</b>	<b>91.673.081.335</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.8	95.192.503.514	98.453.182.886
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.741.732.371)	(6.780.101.551)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.366.105.420</b>	<b>4.616.984.980</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	4.883.856.410	3.358.192.988
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		793.482.819	696.968.888
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.17	688.766.191	561.823.104
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>237.278.082.177</b>	<b>239.799.793.388</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>18.351.192.740</b>	<b>18.327.192.740</b>
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	5.4	18.215.447.540	18.215.447.540
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	135.745.200	111.745.200
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>113.677.950.123</b>	<b>120.373.506.202</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	78.943.369.438	85.091.241.465
- Nguyên giá	222		237.468.485.755	236.882.614.608
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(158.525.116.317)	(151.791.373.143)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	34.734.580.685	35.282.264.737
- Nguyên giá	228		46.104.084.706	46.004.084.706
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.369.504.021)	(10.721.819.969)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.12</b>	<b>9.616.450.537</b>	<b>7.020.242.223</b>
1. Nguyên giá	231		41.120.042.125	37.747.597.125
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(31.503.591.588)	(30.727.354.902)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>18.477.720.942</b>	<b>18.591.357.306</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.13	18.477.720.942	18.591.357.306
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.14</b>	<b>69.306.411.992</b>	<b>68.486.677.122</b>
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		71.106.411.992	70.286.677.122
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.800.000.000)	(1.800.000.000)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.848.355.843</b>	<b>7.000.817.795</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	6.627.133.525	5.860.215.570
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.221.222.318	1.140.602.225
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>746.081.373.701</b>	<b>844.940.632.036</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>195.364.204.051</b>	<b>283.442.263.597</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>113.763.634.855</b>	<b>205.519.501.856</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	53.859.947.294	124.257.873.323
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	21.367.886.258	11.174.182.377
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.17	2.491.646.859	3.116.706.763
4. Phải trả người lao động	314		9.641.614.247	11.183.704.418
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.18	4.078.591.776	5.322.194.897
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		1.642.227.593	2.069.679.316
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		573.537.500	679.710.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	13.583.546.719	10.757.355.213
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20	3.519.779.000	33.508.100.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		988.182.356	1.104.527.964
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.016.675.253	2.345.467.585
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>81.600.569.196</b>	<b>77.922.761.741</b>
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.18	12.962.237.505	15.551.814.616
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.19	37.396.424.091	35.445.070.697
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		31.241.907.600	26.925.876.428
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>550.717.169.650</b>	<b>561.498.368.439</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.21	<b>550.717.169.650</b>	<b>561.138.368.439</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		438.000.000.000	438.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		438.000.000.000	438.000.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	415		(13.064.952.951)	(13.064.952.951)
5. Chênh lệch đánh giá tài sản	416		(19.974.146.692)	(19.974.146.692)
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		53.234.868.452	54.491.808.762
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		26.619.705	26.619.705
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(41.533.795.260)	(31.834.634.820)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(35.260.159.132)	(24.459.438.214)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(6.273.636.128)	(7.375.196.606)
13 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		134.028.576.396	133.493.674.434
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>360.000.000</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	360.000.000
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>746.081.373.701</b>	<b>844.940.632.036</b>

Người lập biểu



Vũ Văn Tuấn

Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Dũng



Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc

Vũ Hải Vinh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	296.566.640.509	423.330.835.573
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	58.962.384	466.184.053
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	296.507.678.125	422.864.651.520
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	191.252.495.452	298.845.482.471
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>105.255.182.673</b>	<b>124.019.169.049</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	11.561.100.483	13.099.568.138
7. Chi phí tài chính	22	6.4	723.058.331	2.280.023.531
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>473.281.838</i>	<i>445.422.927</i>
<b>8. Phần lãi (lỗ) trong Công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>24</b>		<b>(1.282.188.097)</b>	<b>(3.848.415.771)</b>
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	38.599.395.577	49.521.169.842
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	74.912.525.411	74.063.874.368
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>1.299.115.740</b>	<b>7.405.253.675</b>
12. Thu nhập khác	31	6.6	7.415.023.796	4.170.320.647
13. Chi phí khác	32	6.6	578.209.462	423.572.223
<b>14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>	<b>6.6</b>	<b>6.836.814.334</b>	<b>3.746.748.424</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)</b>	<b>50</b>		<b>8.135.930.074</b>	<b>11.152.002.099</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	3.567.668.480	5.402.294.036
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		4.235.411.079	2.192.247.288
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>332.850.515</b>	<b>3.557.460.775</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		(6.273.636.128)	(5.295.677.973)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		6.606.486.643	8.853.138.748
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	(143)	(121)

Người lập biểu



Vũ Văn Tuấn

Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Dũng

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc



Vũ Hải Vĩnh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8.135.930.074	11.152.002.099
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		8.885.492.337	8.810.302.859
- Các khoản dự phòng	03		4.359.060.618	(688.949.398)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(59.433.317)	1.549.034.758
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(11.127.876.400)	(12.541.457.113)
- Chi phí lãi vay	06		473.281.838	445.422.927
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		10.666.455.150	8.726.356.132
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		86.462.156.095	(15.171.118.051)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.260.679.372	1.414.302.011
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(67.796.688.124)	(12.489.364.076)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.292.581.377)	(402.733.914)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(458.640.742)	(445.422.927)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.611.690.179)	(2.330.465.425)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.119.347.764)	(1.440.835.097)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		23.110.342.431	(22.139.281.347)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(4.672.508.208)	(297.140.909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		42.727.273	(909.090)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(240.250.000.000)	(169.700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		233.492.500.000	166.300.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(17.500.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		16.570.373.476	8.236.168.344
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		5.183.092.541	(12.961.881.655)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền thu từ cho vay	33		13.435.292.684	49.097.641.090
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(43.423.613.684)	(25.371.320.654)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.197.171.700)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(33.185.492.700)</b>	<b>23.726.320.435</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(4.892.057.728)</b>	<b>(11.374.842.567)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>106.526.049.577</b>	<b>117.828.589.565</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		44.188.892	72.302.578
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>5.1</b>	<b>101.678.180.741</b>	<b>106.526.049.577</b>

Người lập biểu



Vũ Văn Tuấn

Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Dũng

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc



Vũ Hải Vinh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam tiền thân Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 1116/QĐ/TCCBHT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 109811 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 23/11/1995.

Tổng Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi sang hoạt động Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2511/QĐ-BCN ngày 14/09/2006 và Quyết định số 05/QĐ-BCN ngày 02/01/2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 010103351 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/02/2007, đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp thay đổi các lần và lần thứ 07 ngày 29/03/2023.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 07 ngày 29/03/2023 là: 438.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi tám tỷ đồng*).

Trụ sở chính: Số 15 Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch: Tầng 11, tòa nhà MIPEC, 229 Tây Sơn, P. Ngã Tư Sở, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với Mã chứng khoán VEC.

Số lao động của Tổng Công ty và các Công ty con tại ngày 31/12/2024 là 407 người (Tại ngày 31/12/2023 là 456 người).

**1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Thiết kế, sản xuất, lắp ráp, chế tạo thiết bị, hệ thống thiết bị linh kiện, chi tiết cấu kiện điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế, điện tử - tự động hóa, điện máy gia dụng và chuyên dùng;
- Sản xuất thiết bị, sản phẩm, linh kiện chi tiết vật tư liên quan đến ngành điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy;
- Thực hiện các dịch vụ trong lĩnh vực điện tử và công nghệ thông tin (nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ thông tin, tư vấn đầu tư, xây lắp, bảo trì, làm đại lý, nhà phân phối cho các Văn phòng Tổng Công ty trong và ngoài nước);
- Kinh doanh bất động sản và văn phòng cho thuê;

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm: Lắp đặt thiết bị trong lĩnh vực điện tử và cho thuê văn phòng.

**1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**1.4 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2024, Tổng Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
<b>Công ty Con</b>				
Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức	15C Nguyễn Văn Trỗi, P. 12, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán, gia công sản phẩm điện, điện tử	97,01%	97,01%
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	204 Nơ Trang Long, P. 12, Q. Bình Thành, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán sản phẩm điện, điện tử	51%	51%
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	248A Nơ Trang Long, P. 12, Q. Bình Thành, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, lắp đặt thiết bị điện tử	55,54%	55,54%
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	52-54 Nguyễn Huệ, P. Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất sản phẩm điện tử	51%	51%
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	Tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội	Giám sát, thi công xây dựng công trình điện	65%	65%
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	Tầng 11, tòa nhà MIPEC, 229 Tây Sơn, P. Ngã Tư Sở, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội	Sản xuất sản phẩm điện tử	92,47%	91,86%
<b>Công ty liên doanh liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông	18 Nguyễn Chí Thanh, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội	Sản xuất, mua bán chương trình đào tạo, phần mềm máy tính	35,7%	35,7%
Công ty Cổ phần Viettronimex	74 – 76 Nguyễn Huệ, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Mua bán thiết bị, linh kiện điện tử	42,16%	42,16%
Công ty Cổ phần Cơ khí điện tử Phú Thọ Hòa	1026B Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, lắp ráp thiết bị điện tử	33,77%	33,77%
Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam	26 Lý Tự Trọng, P. Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Mua bán thiết bị, linh kiện điện tử	28,52%	28,52%
Công ty Điện tử Y tế Kỹ thuật cao Amec (*)	48BT3 Khu biệt thự bán đảo Linh Đàm, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	49%	49%
Công ty TNHH DM Vina	Lô CN07, Khu công nghiệp Bình Xuyên II, P. Bá Hiến, H. Bình Xuyên, Vĩnh Phúc	Sản xuất sản phẩm từ plastic	41,74%	41,74%

(\*) Công ty Điện tử Y tế Kỹ thuật cao Amec đã ngừng hoạt động và đóng mã số thuế theo Quyết định của Hội đồng Quản trị năm 2013.

**Các chi nhánh phụ thuộc:**

Đơn vị phụ thuộc	Địa chỉ	Hoạt động chính
Trường Cao đẳng Công nghệ Viettronics	Số 118 Cát Bi, phường Cát Bi, quận Hải An, TP. Hải Phòng	Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ có trình độ cao đẳng và thấp hơn trong lĩnh vực điện tử, tin học và các lĩnh vực khác được Nhà nước cho phép.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Điều hành Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập phù hợp với Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu hợp nhất biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính của các Công ty con của Tổng Công ty đã được soát xét là Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức; Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa; Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình; Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa; Công ty Cổ phần Công trình Viettronics và Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Nguyên tắc ghi nhận các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp)*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Điều hành Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

- Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư (nếu có).

***Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư***

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	08 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 08

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được ghi giảm và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý, nhượng bán đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình****Quyền sử dụng đất**

Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng đất ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất. Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không tính khấu hao.

**Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư****Bất động sản đầu tư cho thuê**

Bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa vật kiến trúc trên đất và được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Theo đó quyền sử dụng đất không tính khấu hao và thời gian hữu dụng ước tính của nhà cửa, vật kiến trúc là 25 năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước****Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá trị của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Giá trị của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 năm đến 03 năm.

**Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí khác bao gồm các loại chi phí trả trước phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường được ghi nhận và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc kế toán Dự phòng phải trả**

Một khoản dự phòng được ghi nhận do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: Doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay hợp nhất cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hoá, lắp đặt; doanh thu cho thuê và doanh thu cung cấp dịch vụ.

**Đối với doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)*****Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:*** Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Hàng bán bị trả lại: Do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.
- Chiết khấu thương mại: Là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Tổng Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất Tổng Công ty: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất Tổng Công ty của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất Tổng Công ty: Ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn là tổng chi phí phát sinh của giá thành sản xuất của sản phẩm và giá vốn dịch vụ trong năm theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tổng Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty hoạt động chính của Công ty là lắp đặt thiết bị điện tử, dịch vụ và Tổng Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt	1.128.836.118	2.566.692.197
Tiền gửi ngân hàng	32.989.512.564	36.535.173.380
Tiền đang chuyển	-	3.069.684.000
Các khoản tương đương tiền (*)	67.559.832.059	64.354.500.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	67.559.832.059	64.354.500.000
<b>Tổng</b>	<b>101.678.180.741</b>	<b>106.526.049.577</b>

(\*): Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng với kỳ hạn gốc dưới 3 tháng bằng VND với lãi suất từ 2,1% đến 5,8%/năm.

**5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>126.305.000.000</b>	<b>126.305.000.000</b>	<b>123.747.500.000</b>	<b>123.747.500.000</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	126.305.000.000	126.305.000.000	123.747.500.000	123.747.500.000
<b>Tổng</b>	<b>126.305.000.000</b>	<b>126.305.000.000</b>	<b>123.747.500.000</b>	<b>123.747.500.000</b>

(\*): Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 06 tháng -12 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) - CN TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank)- CN TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Tân Định, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với lãi suất từ 2,8% -5,3%/năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5.3 Các khoản phải thu khách hàng**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>139.118.816.565</b>	<b>241.820.770.955</b>
Công ty TNHH Đầu tư TM và XNK Khang Phúc	22.176.666.534	22.376.666.534
Ban quản lý dự án Điện 2 - CN Tập đoàn Điện lực Việt Nam	70.200.000	21.760.293.600
Ban QLDA các công trình điện Miền Bắc - CN Tổng Công ty truyền tải điện Quốc Gia	1.448.837.040	1.290.688.754
Trung tâm Kỹ thuật Hỗ trợ phát triển Công nghiệp khu vực phía Nam	-	32.578.101.353
Công ty Cổ phần AKA Việt Nam	23.203.643.706	24.203.643.706
Công ty Cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất	7.525.961.877	-
Các khách hàng khác	84.693.507.408	139.611.377.008
<b>Tổng</b>	<b>139.118.816.565</b>	<b>241.820.770.955</b>

**5.4 Trả trước cho người bán**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>37.879.934.634</b>	<b>24.667.258.498</b>
Công ty TNHH dịch vụ - thương mại Ngân Thịnh (*)	4.854.351.000	4.854.351.000
Công ty TNHH Cơ điện Đại Phúc	-	2.538.723.000
Công ty CP Đầu tư và thương mại - HK	5.724.629.173	-
Công ty TNHH XPAD	10.491.048.027	-
Các đối tượng khác (**)	16.809.906.434	17.274.184.498
<b>Dài hạn</b>	<b>18.215.447.540</b>	<b>18.215.447.540</b>
Các đối tượng khác	18.215.447.540	18.215.447.540
<b>Tổng</b>	<b>56.095.382.174</b>	<b>42.882.706.038</b>

(\*): Tổng Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản trả trước này.

(\*\*): Tổng Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản trả trước của các khách hàng khác với số tiền là 2.324.716.580 đồng.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM**  
15 đường Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5.5 Phải thu cho vay**

	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)		
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Công ty Cổ phần Viettronics Vĩnh Phúc (1)	9.200.000.000	-	5.000.000.000	-
Nguyễn Anh Dũng	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức 1	900.000.000	(450.000.000)	900.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>12.100.000.000</b>	<b>(450.000.000)</b>	<b>7.900.000.000</b>	<b>-</b>

(1) Khoản cho vay theo hợp đồng vay vốn số 01/2024/HĐVV/VBH-VVPC với Công ty Cổ phần Viettronics Vĩnh Phúc, các điều khoản như sau: Số tiền cho vay: 5.000.000.000 đồng. Mục đích: Mua tài sản là nhà xưởng và công trình trên đất tại KCN Bình Xuyên 2, Thị trấn Bá Hiến, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc. Lãi suất: 4,5%/năm. Thời hạn: Từ ngày 05/01/2024 đến ngày 29/03/2024. Phương thức đảm bảo: tài sản hình thành trong tương lai của vốn vay theo hợp đồng. Phụ lục hợp đồng 03 ngày 05/01/2024 với Công ty Cổ phần Viettronics với nội dung: Số tiền cho vay 4.200.000.000 đồng. Gia hạn thời hạn vay: từ ngày 28/12/2024 đến hết ngày 27/06/2025

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5.6 Phải thu khác**

	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>39.202.311.107</b>	<b>(11.127.476.144)</b>	<b>41.973.245.983</b>
Tạm ứng	14.981.947.979	-	14.756.486.633
Ký cược, ký quỹ	112.297.275	-	275.098.443
Phải thu cổ phần hóa	46.417.500	-	66.912.500
Phải thu khác	24.061.648.353	(11.127.476.144)	26.874.748.407
<i>Công ty TNHH dịch vụ - thương mại Ngân Thịnh</i>	<i>2.107.997.573</i>	<i>(2.107.997.573)</i>	<i>2.107.997.573</i>
<i>Doanh nghiệp tư nhân TM Ngân Long</i>	<i>2.570.029.600</i>	<i>(2.570.029.600)</i>	<i>2.570.029.600</i>
<i>Công ty TNHH Kiến Quang</i>	<i>2.200.000.000</i>	<i>(2.200.000.000)</i>	<i>2.200.000.000</i>
<i>Thu từ cán bộ công nhân viên tiền mua đất tại Long An</i>	<i>2.694.230.000</i>	<i>-</i>	<i>2.694.230.000</i>
<i>Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>1.888.631.782</i>	<i>-</i>	<i>4.305.288.769</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>12.600.759.398</i>	<i>(4.249.448.971)</i>	<i>12.997.202.465</i>
<b>Phải thu dài hạn khác</b>	<b>135.745.200</b>	<b>-</b>	<b>111.745.200</b>
Phải thu cổ phần hóa	96.245.200	-	96.245.200
Ký quỹ, ký cược dài hạn	39.500.000	-	15.500.000
<b>Tổng</b>	<b>39.338.056.307</b>	<b>(11.127.476.144)</b>	<b>42.084.991.183</b>
<b>Trong đó Phải thu khác là các bên liên quan trình bày tại Thuyết minh 7.1</b>	<b>230.496.948</b>		<b>230.496.948</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM**  
15 đường Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5.7 Nợ xấu**

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
<b>Phải thu của khách hàng</b>	<b>25.273.039.284</b>	<b>(22.343.300.099)</b>	<b>2.929.739.185</b>	<b>25.311.372.901</b>	<b>(21.073.637.733)</b>	<b>4.237.735.168</b>
<i>Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa</i>	<i>3.774.418.106</i>	<i>(3.774.418.106)</i>	-	<i>3.774.418.106</i>	<i>(3.774.418.106)</i>	-
Công ty TNHH Kiến Quang	2.671.677.540	(2.671.677.540)	-	2.671.677.540	(2.671.677.540)	-
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức 1	668.107.020	(668.107.020)	-	668.107.020	(668.107.020)	-
Doanh nghiệp tư nhân thương mại Ngân Long	97.369.095	(97.369.095)	-	97.369.095	(97.369.095)	-
Công ty Cổ phần TMDV Bình Minh	273.131.651	(273.131.651)	-	273.131.651	(273.131.651)	-
Ông/Bà Huỳnh Anh Hiệp	64.132.800	(64.132.800)	-	64.132.800	(64.132.800)	-
<b>Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa</b>	<b>5.182.315.123</b>	<b>(4.985.815.123)</b>	<b>196.500.000</b>	<b>5.182.315.123</b>	<b>(4.854.815.123)</b>	<b>327.500.000</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu Chính Viễn Thông Sài Gòn	3.249.190.948	(3.249.190.948)	-	3.249.190.948	(3.249.190.948)	-
Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Bạch Việt	747.000.000	(747.000.000)	-	747.000.000	(747.000.000)	-
Các khách hàng khác	1.186.124.175	(989.624.175)	196.500.000	1.186.124.175	(858.624.175)	327.500.000
<b>Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức</b>	<b>6.184.871.116</b>	<b>(3.598.549.903)</b>	<b>2.586.321.213</b>	<b>6.184.871.116</b>	<b>(2.421.553.920)</b>	<b>3.763.317.196</b>
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức 1	3.923.319.943	(3.545.477.949)	377.841.994	3.923.319.943	(2.368.481.966)	1.554.837.977
Các khách hàng khác	2.261.551.173	(53.071.954)	2.208.479.219	2.261.551.173	(53.071.954)	2.208.479.219
<b>Công ty Cổ phần Công trình Viettronics</b>	<b>587.070.283</b>	<b>(587.070.283)</b>	-	<b>587.070.283</b>	<b>(587.070.283)</b>	-
Công ty Liên doanh Golf Hà Nội	484.966.883	(484.966.883)	-	484.966.883	(484.966.883)	-
Công ty Phát triển Công nghệ & Thương mại Đồng Đa	102.103.400	(102.103.400)	-	102.103.400	(102.103.400)	-
<b>Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp</b>	<b>1.103.481.107</b>	<b>(1.103.481.107)</b>	-	<b>1.103.481.107</b>	<b>(1.103.481.107)</b>	-
Công ty Điện tử Công nghiệp CDC	455.085.690	(455.085.690)	-	455.085.690	(455.085.690)	-
Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa	484.501.900	(484.501.900)	-	484.501.900	(484.501.900)	-
Các khách hàng khác	163.893.517	(163.893.517)	-	163.893.517	(163.893.517)	-
<b>Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình</b>	<b>1.825.308.238</b>	<b>(1.678.390.266)</b>	<b>146.917.972</b>	<b>1.863.641.855</b>	<b>(1.716.723.883)</b>	<b>146.917.972</b>
Công ty TNHH Thương Mại - Xuất Nhập Khẩu Cường Nga	253.666.364	(106.748.392)	146.917.972	253.666.364	(106.748.392)	146.917.972
Các khách hàng khác	1.571.641.874	(1.571.641.874)	-	1.609.975.491	(1.609.975.491)	-
<b>Văn phòng Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam</b>	<b>6.615.575.311</b>	<b>(6.615.575.311)</b>	-	<b>6.615.575.311</b>	<b>(6.615.575.311)</b>	-
Công ty Điện tử Công nghiệp	1.161.897.311	(1.161.897.311)	-	1.161.897.311	(1.161.897.311)	-
Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Phúc Thọ	2.800.000.000	(2.800.000.000)	-	2.800.000.000	(2.800.000.000)	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Đầu tư Phát triển Đô thị	2.653.678.000	(2.653.678.000)	-	2.653.678.000	(2.653.678.000)	-

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM**

15 đường Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5.7 Nợ xấu (Tiếp theo)**

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Trả trước cho người bán	8.031.416.499	(7.179.067.580)	852.348.919	8.031.416.499	(6.457.580.948)	1.573.835.551
<i>Văn phòng Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam</i>	<i>4.854.351.000</i>	<i>(4.854.351.000)</i>	-	<i>4.854.351.000</i>	<i>(4.854.351.000)</i>	-
Công ty TNHH TMDV Ngân Thịnh	4.854.351.000	(4.854.351.000)	-	4.854.351.000	(4.854.351.000)	-
<i>Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức</i>	<i>2.677.065.499</i>	<i>(1.824.716.580)</i>	<i>852.348.919</i>	<i>2.677.065.499</i>	<i>(1.103.229.948)</i>	<i>1.573.835.551</i>
Foshan Runpeng Electronic Limited Company	1.803.716.580	(1.803.716.580)	-	1.803.716.580	(1.082.229.948)	721.486.632
Các khách hàng khác	873.348.919	(21.000.000)	852.348.919	873.348.919	(21.000.000)	852.348.919
<i>Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp</i>	<i>500.000.000</i>	<i>(500.000.000)</i>	-	<i>500.000.000</i>	<i>(500.000.000)</i>	-
Công ty TNHH Thương mại và Quảng cáo Nhị Hà	500.000.000	(500.000.000)	-	500.000.000	(500.000.000)	-
<i>Các khoản Phải thu khác</i>	<i>12.070.849.581</i>	<i>(11.127.476.144)</i>	<i>943.373.437</i>	<i>11.195.992.176</i>	<i>(10.689.944.700)</i>	<i>506.047.476</i>
<i>Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa</i>	<i>6.719.188.518</i>	<i>(6.719.188.518)</i>	-	<i>6.719.188.518</i>	<i>(6.719.188.518)</i>	-
Doanh nghiệp tư nhân thương mại Ngân Long	2.570.029.600	(2.570.029.600)	-	2.570.029.600	(2.570.029.600)	-
Công ty TNHH Kiến Quang	2.200.000.000	(2.200.000.000)	-	2.200.000.000	(2.200.000.000)	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tecco	1.949.158.918	(1.949.158.918)	-	1.949.158.918	(1.949.158.918)	-
<i>Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp</i>	<i>1.580.107.721</i>	<i>(1.204.811.380)</i>	<i>375.296.341</i>	<i>1.580.107.721</i>	<i>(1.204.811.380)</i>	<i>375.296.341</i>
Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa	1.508.127.600	(1.132.831.259)	375.296.341	1.508.127.600	(1.132.831.259)	375.296.341
Các khách hàng khác	71.980.121	(71.980.121)	-	71.980.121	(71.980.121)	-
<i>Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình</i>	<i>412.142.118</i>	<i>(294.065.022)</i>	<i>118.077.096</i>	<i>437.284.713</i>	<i>(306.533.578)</i>	<i>130.751.135</i>
Các khách hàng khác	412.142.118	(294.065.022)	118.077.096	437.284.713	(306.533.578)	130.751.135
<i>Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức</i>	<i>900.000.000</i>	<i>(450.000.000)</i>	<i>450.000.000</i>	-	-	-
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức 1	900.000.000	(450.000.000)	450.000.000	-	-	-
<i>Văn phòng Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam</i>	<i>2.459.411.224</i>	<i>(2.459.411.224)</i>	-	<i>2.459.411.224</i>	<i>(2.459.411.224)</i>	-
Công ty TNHH TMDV Ngân Thịnh	2.107.997.573	(2.107.997.573)	-	2.107.997.573	(2.107.997.573)	-
Công ty Cổ phần Điện tử Hai Phòng	120.067.263	(120.067.263)	-	120.067.263	(120.067.263)	-
Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Phúc Thọ	231.346.388	(231.346.388)	-	231.346.388	(231.346.388)	-
<b>Tổng</b>	<b>45.375.305.364</b>	<b>(40.649.843.823)</b>	<b>4.725.461.541</b>	<b>44.538.781.576</b>	<b>(38.221.163.381)</b>	<b>6.317.618.195</b>

033  
TỔNG  
PHẦN  
À TÀI  
NA  
4-1

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM**  
15 đường Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5.8 Hàng tồn kho**

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	9.380.203.188	(2.500.797.586)	9.645.383.412	(892.623.580)
Công cụ và dụng cụ	170.845.168	(74.748.878)	186.768.232	(74.748.878)
Chi phí Sản xuất kinh doanh dở dang	34.699.986.422	(20.695.324)	35.673.350.532	(20.695.324)
Thành phẩm	27.879.030.574	(3.770.628.252)	33.226.116.711	(2.970.115.555)
Hàng hóa	22.353.500.849	(2.374.862.331)	19.229.009.686	(2.821.918.214)
Hàng gửi đi bán	708.937.313	-	492.554.313	-
<b>Tổng</b>	<b>95.192.503.514</b>	<b>(8.741.732.371)</b>	<b>98.453.182.886</b>	<b>(6.780.101.551)</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5.9 Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>4.883.856.410</b>	<b>3.358.192.988</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	33.874.997	17.041.666
Chi phí sửa chữa	2.100.711.107	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.749.270.306	3.341.151.322
<b>Dài hạn</b>	<b>6.627.133.525</b>	<b>5.860.215.570</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	87.029.833	183.224.918
Chi phí sửa chữa	887.912.755	167.592.360
Phí duy trì tên miền, web, chữ ký số, phí bản quyền phần mềm	2.014.500	-
Chi phí thuê văn phòng	3.224.121.229	3.321.575.773
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.426.055.208	2.187.822.519
<b>Tổng</b>	<b>11.510.989.935</b>	<b>9.218.408.558</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
Số dư tại 01/01/2024	164.073.492.690	50.884.418.613	20.483.787.188	956.166.117	484.750.000	236.882.614.608
Tăng trong năm	442.534.400	781.165.172	-	-	90.000.000	1.313.699.572
Mua trong năm	442.534.400	781.165.172	-	-	90.000.000	1.313.699.572
Giảm trong năm	-	30.000.000	665.101.152	32.727.273	-	727.828.425
Thanh lý, nhượng bán	-	-	422.919.333	32.727.273	-	455.646.606
Hủy tài sản cố định	-	30.000.000	242.181.819	-	-	272.181.819
<b>Số dư tại 31/12/2024</b>	<b>164.516.027.090</b>	<b>51.635.583.785</b>	<b>19.818.686.036</b>	<b>923.438.844</b>	<b>574.750.000</b>	<b>237.468.485.755</b>

**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Số dư tại 01/01/2024	94.401.211.553	38.204.386.287	18.223.265.082	897.517.540	64.992.681	151.791.373.143
Tăng trong năm	3.964.188.037	2.874.310.748	513.959.094	41.019.972	68.093.748	7.461.571.599
Khấu hao trong năm	3.964.188.037	2.874.310.748	513.959.094	41.019.972	68.093.748	7.461.571.599
Giảm trong năm	-	30.000.000	665.101.152	32.727.273	-	727.828.425
Thanh lý, nhượng bán	-	-	422.919.333	32.727.273	-	455.646.606
Hủy tài sản cố định	-	30.000.000	242.181.819	-	-	272.181.819
<b>Số dư tại 31/12/2024</b>	<b>98.365.399.590</b>	<b>41.048.697.035</b>	<b>18.072.123.024</b>	<b>905.810.239</b>	<b>133.086.429</b>	<b>158.525.116.317</b>

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại 01/01/2024	69.672.281.137	12.680.032.326	2.260.522.106	58.648.577	419.757.319	85.091.241.465
Tại 31/12/2024	66.150.627.500	10.586.886.750	1.746.563.012	17.628.605	441.663.571	78.943.369.438

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 105.477.382.603 VND (Tại ngày 01/01/2024 là 102.519.432.136 VND).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5.11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư tại 01/01/2024	43.964.970.144	1.843.122.040	195.992.522	46.004.084.706
Tăng trong năm	-	100.000.000	-	100.000.000
Mua trong năm	-	100.000.000	-	100.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2024	43.964.970.144	1.943.122.040	195.992.522	46.104.084.706
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư tại 01/01/2024	8.748.097.661	1.777.729.786	195.992.522	10.721.819.969
Tăng trong năm	609.000.552	38.683.500	-	647.684.052
Khấu hao trong năm	609.000.552	38.683.500	-	647.684.052
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2024	9.357.098.213	1.816.413.286	195.992.522	11.369.504.021
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại 01/01/2024	35.216.872.483	65.392.254	-	35.282.264.737
Tại 31/12/2024	34.607.871.931	126.708.754	-	34.734.580.685

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 1.965.448.281 VND (tại ngày 01/01/2024 là 1.856.915.067 VND).

**5.12 Tăng, giảm Bất động sản đầu tư**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Nguyên giá</b>	<b>37.747.597.125</b>	<b>3.372.445.000</b>	-	<b>41.120.042.125</b>
- Quyền sử dụng đất	3.811.392.900	-	-	3.811.392.900
- Nhà cửa, vật kiến trúc	13.156.179.820	-	-	13.156.179.820
- Nhà và quyền sử dụng đất	18.716.065.486	-	-	18.716.065.486
- Cơ sở hạ tầng	2.063.958.919	3.372.445.000	-	5.436.403.919
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>30.727.354.902</b>	<b>776.236.686</b>	-	<b>31.503.591.588</b>
- Quyền sử dụng đất	2.051.754.776	58.817.988	-	2.110.572.764
- Nhà cửa, vật kiến trúc	8.580.379.591	175.992.324	-	8.756.371.915
- Nhà và quyền sử dụng đất	18.031.261.616	244.451.640	-	18.275.713.256
- Cơ sở hạ tầng	2.063.958.919	296.974.734	-	2.360.933.653
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>7.020.242.223</b>	<b>2.596.208.314</b>	-	<b>9.616.450.537</b>
- Quyền sử dụng đất	1.759.638.124	(58.817.988)	-	1.700.820.136
- Nhà cửa, vật kiến trúc	4.575.800.229	(175.992.324)	-	4.399.807.905
- Nhà và quyền sử dụng đất	684.803.870	(244.451.640)	-	440.352.230
- Cơ sở hạ tầng	-	3.075.470.266	-	3.075.470.266

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5.12 Tăng, giảm Bất động sản đầu tư (Tiếp theo)**

Nguyên giá Bất động sản đầu tư đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 16.284.367.517 VND (tại ngày 01/01/2024 là 16.284.367.517 VND).

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cần được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Tại ngày 31/12/2024, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư, chưa trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Tổng Công ty do chưa có nhu cầu chuyển đổi hay thanh lý bất động sản đầu tư đó.

**5.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công trình Trụ sở Tổng Công ty tại Cầu Giấy, Hà Nội	4.895.984.545	4.895.984.545
Công trình tại Trường Cao đẳng Viettronics	621.809.578	621.809.578
Công trình VTB Green Building tại 06 Phạm Văn Hai, Quận Tân Bình	9.330.512.273	9.444.148.637
Các dự án khác	3.629.414.546	3.629.414.546
<b>Tổng</b>	<b>18.477.720.942</b>	<b>18.591.357.306</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM**

15 đường Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5.14 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	Tỷ lệ		31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị ghi số theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị ghi số theo phương pháp vốn chủ sở hữu
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>			<b>98.157.568.728</b>	<b>69.306.411.992</b>	<b>98.157.568.728</b>	<b>68.486.677.122</b>
Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông	35,70%	35,70%	21.684.417.517	26.922.550.462	21.684.417.517	21.661.235.153
Công ty Cổ phần Viettronimex	42,16%	42,16%	13.987.729.333	14.688.139.478	13.987.729.333	16.388.077.275
Công ty Cổ phần Cơ khí điện tử Phú Thọ Hòa	33,77%	33,77%	2.278.518.130	2.891.776.448	2.278.518.130	2.086.842.278
Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam	28,52%	28,52%	895.348.195	948.017.451	895.348.195	1.043.972.526
Công ty Điện tử Y tế Kỹ thuật cao Amec	49,00%	49,00%	1.276.595.137	-	1.276.595.137	-
Công ty TNHH DM Vina	41,74%	41,74%	38.846.960.416	6.287.011.834	38.846.960.416	9.911.805.906
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh (*)	30,00%	30,00%	510.000.000	-	510.000.000	-
Công ty Cổ phần Belco Hà Nội (*)	38,00%	38,00%	1.178.000.000	-	1.178.000.000	-
Công ty Cổ phần Viettronics Vĩnh Phúc (*)	43,75%	43,75%	17.500.000.000	17.568.916.319	17.500.000.000	17.394.743.984
<b>Tổng</b>			<b>98.157.568.728</b>	<b>69.306.411.992</b>	<b>98.157.568.728</b>	<b>68.486.677.122</b>

	Tỷ lệ		31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>			<b>1.800.000.000</b>	<b>(1.800.000.000)</b>	<b>1.800.000.000</b>	<b>(1.800.000.000)</b>
Công ty cổ phần Điện tử Thủ Đức 1	36,00%	36,00%	1.800.000.000	(1.800.000.000)	1.800.000.000	(1.800.000.000)
<b>Tổng</b>			<b>1.800.000.000</b>	<b>(1.800.000.000)</b>	<b>1.800.000.000</b>	<b>(1.800.000.000)</b>

(\*): Đây là các khoản đầu tư vào Công ty liên kết tại các Công ty con của Tổng Công ty.



Handwritten signature and date: 11/12/2024

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM**  
15 đường Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5.15 Phải trả người bán**

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>53.859.947.294</b>	<b>53.859.947.294</b>	<b>124.257.873.323</b>	<b>124.257.873.323</b>
Công ty Cổ phần YOTEK	433.947.240	433.947.240	23.310.357.180	23.310.357.180
Công ty Cổ phần PISA	-	-	17.293.844.346	17.293.844.346
Công ty Cổ phần tiết kiệm năng lượng ESE CORP	6.091.063.662	6.091.063.662	-	-
Công ty Cổ phần Chế tạo thiết bị điện Đông Anh	7.579.171.121	7.579.171.121	-	-
Các đối tượng khác	39.755.765.271	39.755.765.271	83.653.671.797	83.653.671.797
<b>Tổng</b>	<b>53.859.947.294</b>	<b>53.859.947.294</b>	<b>124.257.873.323</b>	<b>124.257.873.323</b>

**5.16 Người mua ứng tiền trước**

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Kỹ thuật năng lượng Tâm Thành Phát	10.705.150.977	-	-	-
Các khách hàng khác	10.662.735.281	11.174.182.377	11.174.182.377	11.174.182.377
<b>Tổng</b>	<b>21.367.886.258</b>	<b>11.174.182.377</b>		



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5.17 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2024
<b>a. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>3.116.706.763</b>	<b>58.966.579.562</b>	<b>59.591.639.466</b>	<b>2.491.646.859</b>
Thuế giá trị gia tăng	1.869.265.048	15.334.891.466	15.960.947.170	1.243.209.344
Thuế XNK	-	2.168.907.962	2.168.907.962	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	902.694.843	3.468.411.123	3.324.851.630	1.046.254.336
Thuế thu nhập cá nhân	220.100.806	1.314.553.114	1.457.116.807	77.537.113
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	124.646.066	36.331.823.118	36.331.823.118	124.646.066
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	7.000.000	7.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	340.992.779	340.992.779	-
<b>Tổng</b>	<b>3.116.706.763</b>	<b>58.966.579.562</b>	<b>59.591.639.466</b>	<b>2.491.646.859</b>

**b. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2024
<b>Tổng</b>	<b>561.823.104</b>	<b>192.995.462</b>	<b>319.938.549</b>	<b>688.766.191</b>
Thuế giá trị gia tăng	108.206.000	92.538.105	-	15.667.895
Thuế thu nhập doanh nghiệp	444.028.709	99.257.357	286.838.549	631.609.901
Thuế thu nhập cá nhân	9.588.395	1.200.000	33.100.000	41.488.395
<b>Tổng</b>	<b>561.823.104</b>	<b>192.995.462</b>	<b>319.938.549</b>	<b>688.766.191</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5.18 Chi phí phải trả**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>4.078.591.776</b>	<b>5.322.194.897</b>
Trích trước tiền thuê đất	601.099.492	-
Chi phí hỗ trợ quảng cáo nhà phân phối khu vực phía Nam	291.920.064	213.590.038
Chi phí vận chuyển lắp đặt	631.099.224	1.212.773.132
Chi phí bán hàng	2.116.153.659	74.149.850
Chi phí du lịch	-	294.042.337
Chi phí phải trả khác	438.319.337	3.527.639.540
<b>Dài hạn</b>	<b>12.962.237.505</b>	<b>15.551.814.616</b>
Truy thu tiền thuê đất tại nhà máy Biên Hòa	-	3.497.356.796
Trích chi phí thuê đất KCN Cát Lái	4.462.237.505	3.904.457.820
Các khoản khác	8.500.000.000	8.150.000.000
<b>Tổng</b>	<b>17.040.829.281</b>	<b>20.874.009.513</b>

**5.19 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>13.583.546.719</b>	<b>10.757.355.213</b>
Kinh phí công đoàn	330.716.953	348.679.776
Bảo hiểm xã hội	13.424.895	5.072.755
Phải trả cổ phần hóa	25.927.500	25.927.500
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.600.956.150	3.458.622.650
Các khoản phải trả phải nộp khác	9.612.521.221	6.919.052.532
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>7.094.895.700</i>	<i>5.087.463.400</i>
<i>CBCNV ứng tiền mua đất tại Long An</i>	<i>1.302.400.000</i>	<i>1.302.400.000</i>
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>1.215.225.521</i>	<i>529.189.132</i>
<b>Dài hạn</b>	<b>37.396.424.091</b>	<b>35.445.070.697</b>
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	37.396.424.091	35.445.070.697
<b>Tổng</b>	<b>50.979.970.810</b>	<b>46.202.425.910</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5.20 Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2024 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>3.519.779.000</b>	<b>3.519.779.000</b>	<b>13.435.292.684</b>	<b>43.423.613.684</b>	<b>33.508.100.000</b>	<b>33.508.100.000</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch III	-	-	-	30.823.100.000	30.823.100.000	30.823.100.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tân Định (1)	2.854.779.000	2.854.779.000	12.021.557.934	10.426.778.934	1.260.000.000	1.260.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh 7 TP.HCM	-	-	1.413.734.750	1.913.734.750	500.000.000	500.000.000
Ông Hoàng Lê Minh	-	-	-	260.000.000	260.000.000	260.000.000
Ông Nguyễn Khang Trang (2)	317.000.000	317.000.000	-	-	317.000.000	317.000.000
Ông Nguyễn Đức Tường(2)	148.000.000	148.000.000	-	-	148.000.000	148.000.000
Các đối tượng khác (2)	200.000.000	200.000.000	-	-	200.000.000	200.000.000
<b>Tổng</b>	<b>3.519.779.000</b>	<b>3.519.779.000</b>	<b>13.435.292.684</b>	<b>43.423.613.684</b>	<b>33.508.100.000</b>	<b>33.508.100.000</b>

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0258/KHĐN/24/HMCV ngày 24/05/2024 với các điều khoản chi tiết như sau: Hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 VND; Thời hạn của hạn mức tín dụng: 12 tháng; Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn ngắn hạn thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; Thời hạn cho vay: Tối đa là 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ; Lãi suất cho vay: Theo lãi suất trên từng Giấy nhận nợ; Biện pháp bảo đảm: Theo các biện pháp bảo đảm và/hoặc Hợp đồng Bảo đảm quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng.

(2) Các khoản vay cá nhân có kỳ hạn dưới 12 tháng, không có tài sản thế chấp, lãi suất 0%/năm - 5%/năm.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM**

15 đường Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5.21 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
<b>Số dư tại 01/01/2023</b>	438.000.000.000	(13.064.952.951)	(19.974.146.692)	54.302.128.521	26.619.705	(24.525.112.764)	132.914.221.350	567.678.757.169
Lãi/Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	(5.295.677.973)	8.853.138.748	3.557.460.775
Chia cổ tức tại Công ty con	-	-	-	-	-	-	(6.259.648.000)	(6.259.648.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển tại Công ty con	-	-	-	189.680.241	-	(189.680.241)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.518.484.740)	(1.631.807.936)	(3.150.292.676)
Trích thưởng HĐQT và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(301.814.658)	(379.019.695)	(680.834.353)
Tặng/giảm khác	-	-	-	-	-	(3.864.443)	(3.210.033)	(7.074.476)
<b>Số dư tại 31/12/2023</b>	<b>438.000.000.000</b>	<b>(13.064.952.951)</b>	<b>(19.974.146.692)</b>	<b>54.491.808.762</b>	<b>26.619.705</b>	<b>(31.834.634.819)</b>	<b>133.493.674.434</b>	<b>561.138.368.439</b>
<b>Số dư tại 01/01/2024</b>	<b>438.000.000.000</b>	<b>(13.064.952.951)</b>	<b>(19.974.146.692)</b>	<b>54.491.808.762</b>	<b>26.619.705</b>	<b>(31.834.634.819)</b>	<b>133.493.674.434</b>	<b>561.138.368.439</b>
Lãi/Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	(6.273.636.128)	6.606.486.643	332.850.515
Trích quỹ đầu tư phát triển (Công ty con)	-	-	-	(1.256.940.312)	-	-	(38.738.932)	(1.295.679.244)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (Công ty con)	-	-	-	-	-	(1.033.467.695)	(880.403.466)	(1.913.871.161)
Trích thưởng Ban điều hành, thù lao HĐQT (Công ty con)	-	-	-	-	-	(134.311.620)	(115.688.380)	(250.000.000)
Chi trả cổ tức (Công ty con)	-	-	-	-	-	-	(5.204.604.000)	(5.204.604.000)
Tặng/giảm khác	-	-	-	2	-	(2.257.744.998)	167.850.097	(2.089.894.899)
<b>Số dư tại 31/12/2024</b>	<b>438.000.000.000</b>	<b>(13.064.952.951)</b>	<b>(19.974.146.692)</b>	<b>53.234.868.452</b>	<b>26.619.705</b>	<b>(41.533.795.260)</b>	<b>134.028.576.396</b>	<b>550.717.169.650</b>

Đơn vị tính: VND

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5.21 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	385.297.500.000	385.297.500.000
Vốn góp của cổ đông khác	52.702.500.000	52.702.500.000
<b>Tổng</b>	<b>438.000.000.000</b>	<b>438.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu năm	438.000.000.000	438.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	438.000.000.000	438.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	43.800.000	43.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	43.800.000	43.800.000
Cổ phiếu phổ thông	43.800.000	43.800.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.800.000	43.800.000
Cổ phiếu phổ thông	43.800.000	43.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**5.22 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất****a. Ngoại tệ các loại**

	31/12/2024	01/01/2024
USD	92.469,73	81.984,84
EUR	485,99	506,86

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán thành phẩm	15.967.177.712	39.306.685.263
Doanh thu cung cấp dịch vụ	137.597.163.141	157.347.763.664
Doanh thu bán hàng hóa, lắp đặt	112.250.210.146	196.504.251.936
Doanh thu xây lắp	11.631.311.145	10.860.193.149
Doanh thu khác	19.120.778.365	19.311.941.561
<b>Tổng</b>	<b>296.566.640.509</b>	<b>423.330.835.573</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán bị trả lại	-	417.581.877
Chiết khấu thương mại	58.962.384	27.826.176
Giảm giá hàng bán	-	20.776.000
<b>Tổng</b>	<b>58.962.384</b>	<b>466.184.053</b>
<b>Doanh thu thuần</b>		
Doanh thu bán thành phẩm	15.908.215.328	38.840.501.210
Doanh thu cung cấp dịch vụ	137.597.163.141	157.347.763.664
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư	112.250.210.146	196.504.251.936
Doanh thu xây lắp	11.631.311.145	10.860.193.149
Doanh thu khác	19.120.778.365	19.311.941.561
<b>Tổng</b>	<b>296.507.678.125</b>	<b>422.864.651.520</b>

**6.2 Giá vốn về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	49.733.363.991	52.303.143.307
Giá vốn thành phẩm đã bán	15.600.732.150	36.215.387.436
Giá vốn bán hàng hóa, lắp đặt	109.048.954.925	192.124.294.544
Giá vốn hoạt động xây lắp	10.893.797.109	10.628.848.321
Giá vốn khác	5.068.802.680	5.983.845.041
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	906.844.597	1.589.963.822
<b>Tổng</b>	<b>191.252.495.452</b>	<b>298.845.482.471</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.757.669.127	12.541.457.113
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	59.433.317	61.551.519
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	416.518.039	496.559.506
Doanh thu tài chính khác	3.327.480.000	-
<b>Tổng</b>	<b>11.561.100.483</b>	<b>13.099.568.138</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí lãi vay	473.281.838	445.422.927
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.549.034.758
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	164.681.529	285.565.846
Dự phòng tổn thất đầu tư	85.094.964	-
<b>Tổng</b>	<b>723.058.331</b>	<b>2.280.023.531</b>

**6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>38.599.395.577</b>	<b>49.521.169.842</b>
Chi phí nhân viên	11.210.732.336	11.355.196.826
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	107.755.614	1.861.919.242
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	146.231.419	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.048.932.505	5.694.206.284
Chi phí bảo hành	7.070.798	(4.388.483.843)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.908.903.388	5.344.171.481
Chi phí bằng tiền khác	17.169.769.517	29.654.159.852
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>74.912.525.411</b>	<b>74.063.874.368</b>
Chi phí nhân viên	37.467.017.908	38.203.822.270
Chi phí vật liệu quản lý	390.219.972	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	727.417.138	904.358.997
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.708.313.807	2.336.215.297
Thuế phí và lệ phí	6.028.721.990	6.022.092.959
Chi phí dự phòng	2.473.441.519	1.900.920.073
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.446.912.166	2.161.265.455
Chi phí bằng tiền khác	20.670.480.911	22.535.199.317
<b>Tổng</b>	<b>113.511.920.988</b>	<b>123.585.044.210</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	3.219.818.182	-
Thanh lý nhượng bán TSCĐ, công cụ dụng cụ	42.727.273	909.090
Hoàn nhập chi phí bảo lãnh	28.412.443	-
Xử lý công nợ	467.473.147	-
Hợp tác khai thác mặt bằng	3.480.000.000	-
Các khoản khác	176.592.751	4.169.411.557
<b>Tổng</b>	<b>7.415.023.796</b>	<b>4.170.320.647</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	250.721.421	80.417.711
Chi phí nộp phạt thuế và phạt vi phạm hành chính	12.217.926	-
Chi phí khác	315.270.115	343.154.512
<b>Tổng</b>	<b>578.209.462</b>	<b>423.572.223</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>6.836.814.334</b>	<b>3.746.748.424</b>

**6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.567.668.480	5.402.294.036
<b>Tổng</b>	<b>3.567.668.480</b>	<b>5.402.294.036</b>

**6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi sau thuế Công ty mẹ thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	(6.273.636.128)	(5.295.677.973)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Lãi để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>(6.273.636.128)</b>	<b>(5.295.677.973)</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (CP)	43.800.000	43.800.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>(143)</b>	<b>(121)</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	142.297.535.473	239.549.497.879
Chi phí nhân công	57.167.884.112	79.863.570.342
Chi phí khấu hao	8.885.492.337	8.810.302.859
Chi phí dự phòng	2.473.441.519	(3.376.537.786)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.641.910.818	25.625.265.768
Chi phí khác bằng tiền	50.405.991.973	68.460.732.799
<b>Tổng</b>	<b>280.872.256.232</b>	<b>418.932.831.861</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Thông tin về các bên liên quan**

Danh sách bên liên quan của Tổng Công ty như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	Công ty con
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	Công ty con
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	Công ty con
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	Công ty con
Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Viettronimex	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cơ khí điện tử Phú Thọ Hòa	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Điện tử Y tế Kỹ thuật cao	Công ty liên kết
Công ty TNHH DM Vina	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

**Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lê Thanh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	48.000.000	24.000.000
Trần Hữu Hưng	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm 27/6/2023)	-	24.000.000
Vũ Hải Vĩnh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	542.269.209	577.663.400
Đỗ Thị Thúy Hương	Thành viên HĐQT	313.297.915	468.635.600
Nguyễn Văn Đông	Thành viên HĐQT	462.969.209	473.063.400
Phạm Nguyên Anh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	443.473.219	481.235.600
Giáp Minh Trung (*)	Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 30/12/2024)		
Văn Viết Tuấn (*)	Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 30/12/2024)		
Vũ Hoài Anh	Trưởng Ban Kiểm soát	430.673.219	443.435.600
Nguyễn Văn Chính	Thành viên Ban Kiểm soát	36.000.000	24.000.000
Phạm Trung Hoàng	Thành viên Ban Kiểm soát	36.000.000	24.000.000
Nguyễn Trung Dũng	Kế toán trưởng	419.127.229	470.947.800
<b>Tổng</b>		<b>2.731.810.000</b>	<b>3.010.981.400</b>

(\*) Do Ông Giáp Minh Trung và Ông Văn Viết Tuấn bỏ nhiệm Phó Tổng giám đốc ngày 30/12/2024 nên không trình bày thu nhập năm 2023 và 2024

**Số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Phải thu khác</b>		<b>230.496.948</b>	<b>230.496.948</b>
Công ty TNHH DM Vina	Công ty liên kết	230.496.948	230.496.948

**7.2 Các khoản công nợ tiềm tàng**

Tại Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình có khoản công nợ tiềm tàng: Công ty đang thực hiện mua một khu đất tại KCN Cát Lái theo Hợp đồng nguyên tắc số 08/HĐNT-PTN-KCN ngày 13/10/2005 giữa Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 2 – KCN Cát Lái và Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình. Hai bên đã tiến hành lập biên bản giao mốc số 01/BBGM/KCN ngày 15/01/2010. Công ty đã thanh toán số tiền là 18.215.447.540 đồng trên tổng giá trị thanh toán là 1.228.800 USD (theo Hợp đồng nguyên tắc). Tuy nhiên ngày 31/12/2024, hai bên vẫn chưa làm hợp đồng thuê đất chính thức.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**7.3 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2025

**Tổng Giám đốc**

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**



**Vũ Văn Tuấn**

**Nguyễn Trung Dũng**

**Vũ Hải Vĩnh**

